

ỦY BAN THẨM PHÁN

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 64/2019/DS-GĐT

Ngày: 30/10/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự – Thẩm phán;

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Trình và ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm M; địa chỉ: số F đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L, chức vụ: giám đốc.

2. Bị đơn: bà Phùng Thị Bích N; địa chỉ: số S đường V, tổ dân phố G, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2016, nguyên đơn Công ty TNHH Bảo hiểm M (gọi tắt là Công ty M) trình bày:

Ngày 15/7/2014, Công ty M và bà Phùng Thị Bích N ký Hợp đồng vay tiền, theo đó: Công ty M cho bà Ng vay 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5 %/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 15; thời hạn vay 5 tháng, kể từ ngày 15/7/2014 đến ngày 15/12/2014. Sau khi hết hạn vay, Công ty M yêu cầu bà Ng trả

nợ gốc và lãi nhưng bà Ng chưa trả. Nay, Công ty M yêu cầu bà Ng trả nợ nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/7/2014 cho đến nay.

- *Bị đơn là bà Phùng Thị Bích N trình bày:*

Ngày 19/8/2013, Bà gia nhập vào Công ty M làm Tổ trưởng quản lý các đại lý bảo hiểm cấp dưới của Công ty M. Trong quá trình làm việc, một số đại lý do Bà quản lý có nợ tiền bảo hiểm của Công ty M, nên hai bên thỏa thuận miệng là Công ty M cho các đại lý do Bà quản lý mượn tiền trước để nộp cho Công ty M (nhưng Bà phải đứng ra nhận các khoản nợ trên), lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi nào các đại lý của Bà thu được tiền sẽ trả lại cho Công ty M. Một thời gian sau (Bà không nhớ cụ thể), Công ty M có gọi Bà lên trụ sở Công ty xác nhận các khoản nợ tổng cộng là 90.000.000 đồng và Bà đã ký xác nhận vào hợp đồng vay tiền trên. Tháng 4/2015, Bà có trả cho Công ty M số tiền gốc 30.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền lãi. Nay, Công ty M yêu cầu Bà trả nợ gốc số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi, Bà không đồng ý, vì thực tế không có sự giao nhận tiền vay giữa các bên mà đây là khoản tiền các đại lý bảo hiểm cấp dưới do bà quản lý nợ Công ty M.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 113/2016/DS-ST ngày 21/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- *Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, Điều 144, Điều 147, Điều 220; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự;*

- *Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh 10/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Bảo hiểm M.

Buộc bà Phùng Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm M số tiền gốc vay là 90.000.000 đồng và 24.772.000 đồng tiền lãi suất.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả, quy định quyền và nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/10/2016, bà Phùng Thị Bích N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm;

- Tại bản án dân sự phúc thẩm số 186/2016/DS-PT ngày 29/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị Bích N;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 113/2016/DSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 18/12/2016, bà Phùng Thị Bích N có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm, với lý do: Bà không vay tiền của Công ty M, vì thực tế không có sự giao nhận tiền giữa hai bên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/2018/KN-DS ngày 10/7/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm số 186/2016/DS-PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và bản án dân sự sơ thẩm số 113/2016/DS-ST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2014 được xác lập giữa bên A (bên cho vay) là ông Nguyễn Văn L - Giám đốc Công ty làm đại diện và bên B (bên vay) là bà Phùng Thị Bích Ng thì các bên chỉ xác định số tiền cho vay là 90.000.000 đồng; thời hạn vay là 05 tháng, kể từ ngày 15/7/2014; phương thức vay: tiền mặt; lãi suất vay là 2,5%/tháng; phương thức thanh toán: thanh toán tiền lãi vào ngày 15 hàng tháng, trả nợ gốc hạn cuối cùng là ngày 15/12/2014; biện pháp bảo đảm hợp đồng, giải quyết tranh chấp; ngoài những vấn đề trên, các bên không có thỏa thuận cụ thể việc giao nhận tiền.

[2] Như vậy, theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì chỉ có chứng cứ chứng minh các bên có ký hợp đồng vay số tiền 90.000.000 đồng, chưa có chứng cứ chứng minh hợp đồng đã được thực hiện như: phiếu chi tiền vay, giấy giao nhận tiền hoặc các hình thức giao nhận tiền khác... (vì Công ty M là một doanh nghiệp, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đều có chứng từ thể hiện).

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ng cho rằng năm 2014 (bà không nhớ thời gian cụ thể), Công ty M có gọi bà lên trụ sở Công ty xác nhận một số đại lý do bà quản lý có nợ tiền bảo hiểm của Công ty M tổng cộng là 90.000.000 đồng, bà có ký xác nhận vào hợp đồng vay tiền trên. Tháng 4/2015, bà có trả cho Công ty M số tiền gốc 30.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, còn Công ty M không thừa nhận.

[4] Tòa án cấp sơ, phúc thẩm nhận định bà Ng chưa trả đồng nào trong

90.000.000 đồng vay của Công ty và bà Ng không có chứng cứ để xuất trình chứng minh bà đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi; nhưng Tòa án cấp sơ, phúc thẩm không buộc Công ty M chứng minh việc đã giao đủ 90.000.000 đồng tiền vay cho bà Ng theo hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2014 là không đảm bảo nghĩa vụ chứng minh của đương sự.

[5] Bà Ng xác định có ký hợp đồng vay nêu trên nhưng không nhận tiền như hợp đồng đã ký, vì số tiền trên là tiền khách hàng (các đại lý bảo hiểm do Bà quản lý) nộp cho Công ty M nhưng các đại lý bảo hiểm này chưa nộp về Công ty mà do Công ty M đã tạm ứng trước cho các đại lý này mượn nộp chứ bà không nợ tiền Công ty M, còn Công ty M không thừa nhận.

[6] Nội dung này Tòa án cấp sơ, phúc thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ là các báo cáo tài chính năm 2013 năm 2014 của Công ty M để xem xét, đánh giá; đồng thời, chưa làm rõ Công ty M có các đại lý bảo hiểm do bà Ng quản lý từ tháng 8/2013 cho đến khi tranh chấp hay không? Các đại lý này có nợ tiền của Công ty M không? bà Ng có đứng ra nhận nợ thay cho các đại lý bảo hiểm cấp dưới do mình quản lý hay không? ai là người trực tiếp chịu trách nhiệm trả tiền tạm ứng trước của Công ty M cho các đại lý bảo hiểm để từ đó xác định lời khai của bà Ng có cơ sở hay không.

[7] Việc xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ, phúc thẩm chưa đầy đủ nên chưa đủ căn cứ xác định Công ty M đã giao 90.000.000 đồng cho bà Ng vay theo hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2014. Tòa án cấp sơ, phúc thẩm buộc bà Nga có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền gốc vay là 90.000.000 đồng và 24.772.000 đồng tiền lãi, là chưa đủ căn cứ vững chắc. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[8] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 64/2018/KN-DS ngày 10/7/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 186/2016/DS-PT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và bản án dân sự sơ thẩm số 113/2016/DS-ST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa nguyên đơn là Công ty TNHH

Bảo hiểm M với bị đơn là bà Phùng Thị Bích N;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP B, tỉnh Đắk Lắk (2 bản kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT II, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự